

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 13/2024/HS-PT  
Ngày 14 tháng 3 năm 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn  
Các thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trường  
Ông Nguyễn Quang Vũ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:** Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 và ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P đưa ra xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của đại diện bị hại đối với Bản án hình sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P đối với bị cáo.

Họ và tên: **Hoàng Văn T** (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 09 tháng 9 năm 1969; tại huyện T, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu D 2, xã T, huyện T, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: Hoàng Văn Cảnh (đã chết) và bà: Hà Thị O (đã chết). Vợ: Hà Thị Huyền, sinh năm 1975; Con: Có 02 con (lớn sinh năm: 1993, nhỏ sinh năm: 1995). Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân (án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật): Không. Bị cáo hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

**Người bào chữa cho Bị cáo:** ông Lã Thành Công – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P. Có đơn xin xử vắng mặt

**Bị hại:** ông Hà Văn N (đã chết);

**Người đại diện hợp pháp cho Bị hại:** Bà Hà Thị T, sinh năm 1961 (là vợ của bị hại). Có mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T:* Ông Nguyễn An B – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn An B và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt phiên tòa ngày 08/3/2023, vắng mặt phiên tòa ngày 14/3/2023

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1937 (là mẹ đẻ của Bị hại). Có mặt phiên tòa ngày 08/3/2023, vắng mặt phiên tòa ngày 14/3/2023

+ Chị Hà Thị Q, sinh năm 1991 (là con đẻ của Bị hại). Có mặt

+ Chị Hoàng Thị Hà V, sinh năm 1994 (là con đẻ của Bị hại). Có mặt

Đều ở địa chỉ: Khu D 2, xã T, huyện T, tỉnh P.

+ Chị Hà Thị Q1, sinh năm 1988 (là con đẻ của Bị hại). Có mặt phiên tòa ngày 08/3/2023, vắng mặt phiên tòa ngày 14/3/2023

+ Anh Hà Văn X, sinh năm 1997 (là con đẻ của Bị hại).

Hiện nay đều đang XKLD tại Đài Loan. Vắng mặt

*- Người đại diện theo ủy quyền cho bà N1, chị Q1, chị Q, chị V, anh X:* Bà Hà Thị T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Khu D 2, xã T, huyện T, tỉnh P. Có mặt

*- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N1:* Ông Bùi Đức Dũng – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P. Có đơn xin xử vắng mặt.

*- Người làm chứng:*

+ Ông Hoàng Minh Đ, sinh năm 1967. Có mặt

+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964. Có mặt

+ Ông Hà Văn 1, sinh năm 1971. Vắng mặt

Đều ở địa chỉ: Khu D 2, xã T, huyện T, tỉnh P.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 19/4/2023, sau khi ăn cơm, uống rượu tại nhà ở của Hoàng Văn T thì Thọ, Nguyễn Văn L, Hà Văn 1 ngồi uống nước tại bàn ghế đá đặt ở hiên nhà. Một lúc sau, có ông Hoàng Văn Đ đến chơi, rồi ông Hà Văn N đến nhà ông Thọ và cùng ngồi uống nước.

Trong khi nói chuyện, giữa ông N và Thọ xảy ra mâu thuẫn. N nhân là do ông N có những lời nói xúc phạm ông Đ và gia đình Thọ (nói chuyện bằng tiếng dân tộc Mường). Do đó, Thọ đã đứng dậy, với qua bàn uống nước dùng tay trái đánh 02 cái vào vùng cổ, vai gáy của ông N. Sau đó, Thọ và ông Đ mỗi người một bên nhấc ông N ra khỏi ghế ngồi, rồi kéo và đưa ông N ra khỏi cổng nhà Thọ.

Khi ông N đã ra khỏi công, ông Đ còn đứng ngoài đường, Thọ đi vào đóng cánh cửa cổng lại mục đích không cho ông N tiếp tục đi vào nhà mình. Ông N, không đi về nhà mà bước đi về phía cổng để đi vào nhà Thọ. Lúc này, Thọ vẫn đứng ở cổng thấy vậy mở cánh cửa cổng đi ra đường đứng trước mặt ông N để ngăn không cho ông N bước tiếp. Ông N vẫn tiến lại sát người Thọ rồi lách qua người Thọ để đi vào trong nhà. Thọ đã dùng bàn tay trái nắm vào cổ tay phải của ông N dắt, kéo ông N hướng đi ra đường. Thọ bước đi trước, ông N bước sau, đi được hai ba bước chân thì Thọ buông tay ông N ra. Do không được Thọ giữ, ông N không đứng vững, theo đà quán tính ông N bước lao về phía trước hướng ra lòng Đường nhựa rồi ngã ngửa nằm bất tỉnh trên nền Đường nhựa. Thấy ông N ngã, Thọ bảo ông L và ông 1 đỡ dậy, đưa ông N về nhà.

Ông N sau đó được người nhà đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện T, rồi được chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh P. Ngày 21/4/2023, Bệnh viện tỉnh P đã xác định, không thể cứu chữa được nên đã cho gia đình làm thủ tục xuất viện đưa ông N về nhà. Cùng ngày 21/4/2023, ông N tử vong tại nhà riêng.

Sau khi sự việc xảy ra Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xác minh, thu thập chứng cứ, đồng thời tiến hành lấy lời khai đối với Hoàng Văn T và những người liên quan.

Ngày 21/4/2023, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định N nhân tử vong đối với Hà Văn N.

**Theo bản kết luận giám định số 578/KLGĐTT-PC09 ngày 05/5/2023 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh P kết luận:** “*N nhân chết của Hà Văn N là chấn thương sọ não không hồi phục. Cơ chế hình thành thương tích: Vết sây sát da, tụ máu vùng chẩm trái là do vật tày.*”

Ngày 21/8/2023, cơ quan CSĐT Công an huyện T đã có văn bản số: 110A/CV-CSĐT về việc: Giải thích kết luận giám định đối với Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P. Ngày 25/8/2023, phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P đã có văn bản số 478/CV-PC09 về việc: Xác định cơ chế hình thành thương tích và giải thích kết luận đã trả lời như sau:

“- *Vật tày là những vật thể rắn và tùy loại chất liệu cấu thành có độ cứng khác nhau (sắt, thép, gạch, đá, gỗ, gậy, cao su ...), không có lưỡi sắc và mũi nhọn tại nơi tác động lên cơ thể. Vật tày rất đa dạng, phong phú về hình dạng, kích thước và tính chất, ví dụ: gậy, búa, gạch, nền Đ ... Do vậy, bề mặt nền Đường nhựa là một vật tày dạng diện rộng.*

- *Tổn thương “Vết sây da, tụ máu vùng chẩm trái” trên tử thi Hà Văn N có thể được tạo ra bởi bề mặt nền Đường nhựa.*”

Đồng thời, ngày 01/11/2023 theo yêu cầu bổ sung tài liệu chứng cứ của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã có văn bản số 140/CV-CSĐT v/v: Giải thích kết luận giám định đối với Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P. Ngày 03/11/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P đã

có văn bản số: 543/CV-PC09 trả lời như sau:

*“- Cơ chế hình thành vết sây sát da, tụ máu vùng chẩm bên trái là do tác động với vật tày. Da vùng mắt rất mỏng, chỉ cần một chấn thương nhỏ cũng khiến máu đọng vùng mắt, khi bị chấn thương sẽ kéo căng làm rách các mạch máu nhỏ (mao mạch) dưới da mắt, máu rỉ vào da và biến thành màu tím (hốc mắt hai bên bầm tím). Vì vậy, bầm tím quanh hốc mắt hai bên có thể tạo nên do tác động với vật tày hoặc trong trường hợp chấn thương sọ não, máu từ trong chảy ra ngấm vào vùng quanh hốc mắt hai bên (dấu hiệu kính râm trong chấn thương sọ não).*

Tại Cơ quan CSĐT - Công an huyện T, tỉnh P, Hoàng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi vô ý làm chết người đối với Hà Văn N vào ngày 19/4/2023 tại Khu D 2, xã T, huyện T, tỉnh P. Lời khai nhận của Thọ phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Không.

Ngày 21/11/2023, bà T cung cấp 01 USB có chứa video và bản dịch nội dung trao đổi tại video ghi lại nội dung Thọ và ông Đ đến nhà mẹ đẻ của Bị hại là bà Hoàng Thị N1 (nói chuyện bằng tiếng dân tộc Mường). Đồng thời tại đơn đề nghị của chị Hà Thị Q và tại phiên tòa Người đại diện hợp pháp cho Bị hại, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện bị hại không đồng ý với Kết luận điều tra và Bản cáo trạng truy tố Bị cáo Thọ tội “Vô ý làm chết người” theo khoản 1 Điều 128 của Bộ luật hình sự năm 2015 mà cho rằng Bị cáo phạm tội “Giết người”; đồng thời còn cho rằng hồ sơ vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với hành vi đồng phạm với Hoàng Văn T của Hoàng Minh Đ.

#### *1. Các vấn đề khác:*

Ngày 12/6/2023 Cơ quan CSĐT - Công an huyện T, tỉnh P ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Hoàng Văn T về tội “Vô ý làm chết người” theo khoản 1 điều 128 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa chữa, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là “BLHS năm 2015”).

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, Bị cáo đã hỗ trợ bồi thường cho gia đình bị hại tiền điều trị và mai táng phí tổng số là 60.000.000 đồng.

Đại diện bị hại, bà T yêu cầu Bị cáo bồi thường thiệt hại về tính mạng của ông N tổng số tiền là: 290.340.000 đồng, gồm các chi phí: Chi phí điều trị tại Bệnh viện: 10.440.000 đồng; Chi phí cho việc mai táng gồm: Mua quan tài, chi phí hỏa táng, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang và các khoản cần thiết khác theo phong tục tập quán: 49.645.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho mẹ của bị hại một lần: 100 tháng x 812.500 đồng/1 tháng = 81.250.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: 149.000.000 đồng.

Bị cáo đã bồi thường 60.000.000 đồng, bà T yêu cầu Bị cáo bồi thường số tiền còn lại là: 230.340.000 đồng. Bị cáo Thọ đề nghị Tòa án giải quyết về trách nhiệm bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T, tỉnh P xác minh tài sản của Hoàng Văn T xác định: Bị cáo hiện sống cùng vợ, con tại địa phương, về tài sản vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp bốn diện tích 90m<sup>2</sup> trong nhà có các vật dụng sinh hoạt thiết yếu. Ngoài ra bị cáo không có tài sản gì riêng có giá trị lớn. Bị cáo làm nghề lao động tự do thu nhập không ổn định. Thu nhập bình quân đầu người tại xã T, huyện T, tỉnh P khoảng 3,5 triệu đồng/1 người/ 1 tháng. Tại phiên tòa, Bị cáo cung cấp chứng nhận Gia đình ông Hoàng Văn Cảnh (bố đẻ của Bị cáo) đạt danh hiệu Gia đình cách mạng gương mẫu năm nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày Thương binh Liệt sỹ.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST** ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P đã Quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 128; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của BLHS năm 2015.

- Tuyên bố Bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “*Vô ý làm chết người*”.

2. *Trách nhiệm hình sự, hình phạt, biện pháp tư pháp:*

- Xử phạt Bị cáo Hoàng Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 của BLHS năm 2015; Điều 584, 586, 591 của Bộ luật dân sự.

Buộc Bị cáo Hoàng Văn T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tính mạng của ông Hoàng Văn N cho bà Hoàng Thị T tổng số tiền là 195.331.000 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng). Trong đó, chi phí khám chữa bệnh và tiền thuê phương tiện đi, đưa về là 10.326.000 đồng (mười triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng); chi phí cho việc mai táng là 20.005.000 đồng (hai mươi triệu không trăm linh năm nghìn đồng); tiền cấp dưỡng 01 lần cho cụ Hoàng Thị N1 (là mẹ đẻ của Bị hại) là 100 tháng x 650.000 đồng/ 1 tháng = 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng); chi phí để bù đắp tổn thất về T thần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Bị hại là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Xác nhận, ngày 25/4/2023 Bị cáo đã bồi thường cho bà Hà Thị T số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bà Hà Thị T số tiền 135.331.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị T yêu cầu Bị cáo bồi thường các thiệt hại gồm: Tiền mua thuốc, chụp không có hóa đơn; chi phí lương thực, thực phẩm, chi phí khác cho việc mai táng và tiền thuê xe đón người nhà; một phần tiền cấp dưỡng cho cụ Hoàng Thị N1 và một phần khoản tiền để bù đắp tổn thất

về tinh thần tổng cộng là 95.009.000 đồng (chín mươi lăm triệu không trăm linh chín nghìn đồng).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm d, đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong vụ án hình sự cho Bị cáo Hoàng Văn T.

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại tính mạng không được chấp nhận cho bà Hà Thị T.

Bản án còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 11/12/2023, bà Hà Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

**Lý do kháng cáo:** Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P khiến quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Cụ thể như sau:

**Tội danh truy tố trong vụ án không phù hợp, hành vi của bị cáo Hoàng Văn T đủ để cấu thành tội Giết người được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS 2015.**

Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P tuyên bị cáo Hoàng Văn T là tội “Vô ý làm chết người” căn cứ theo khoản 1 Điều 128 BLHS. Tội danh này là không phù hợp, bởi:

*“Vô ý làm chết người là hành vi của một người vô T làm cho người khác bị chết. Người phạm tội thường không thấy trước được hậu quả chết người do hành vi của mình gây ra” cái chết cho nạn nhân.*

Căn cứ vào các lời khai của bị cáo và những người có mặt tại hiện trường vụ án, ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Minh Đ đã bắt đầu thực hiện hành vi dùng vũ lực tấn công ông Hà Văn N kể từ thời điểm xảy ra lời qua tiếng lại. Thọ và Đ đã côn đồ sử dụng vũ lực tấn công người khác đặc biệt là đối với một người già yếu không có khả năng tự vệ là ông Hà Văn N. Điều này thể hiện tính chất côn đồ khi phạm tội của hai đối tượng. Mặt khác, cả hai liên tục tấn công vào những bộ phận trọng yếu của cơ thể ông N (gáy, cổ). Khi thấy ông N đã gục ngã tại bàn, cả hai tiếp tục lôi ông N ra đường để hành hung (BL: 44). Điều này cho thấy sự hung hãn, quyết tâm thực hiện hành vi đến cùng muốn tước đoạt đi mạng sống của người khác trong ý chí của các đối tượng phạm tội.

Như vậy, xét về N nhân, hành vi, yếu tố lỗi và mối quan hệ nhân quả của hai đối tượng Hoàng Văn T và Hoàng Minh Đ hoàn toàn phù hợp với các yếu tố cấu thành Tội giết người theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 2015. Bởi lẽ: Tại Công văn số 38/NCPL ngày 06/01/1976 của Tòa án nhân dân Tối cao và tại Hội nghị tổng kết công tác ngành TAND năm 1995 giải thích: “Khái niệm

côn đồ được hiểu là hành động của những tên coi thường pháp luật, luôn luôn phá rối trật tự trị an, sẵn sàng dùng vũ lực và thích (hay) dùng vũ lực để uy hiếp người khác phải khuất phục mình, vô cớ hoặc chỉ vì một duyên cớ nhỏ nhặt là đâm chém, thậm chí giết người”.

Đối chiếu với hành vi, N nhân ông Thọ và ông Đ tấn công ông N là trong lúc ngồi uống nước hai bên có lời qua tiếng lại với nhau đây là một mâu thuẫn nhỏ nhặt, tuy nhiên ông Thọ và ông Đ đã dựa vào N nhân đó để thực hiện hành vi tước đoạt mạng sống của ông N khiến ông N chết. Đây là hành vi phạm tội có tính chất côn đồ.

Bên cạnh đó, nếu xét về cơ chế các vết thương gây nên cái chết cho chồng tôi càng thể hiện rõ việc bị cáo gây nên cái chết cho ông N là cố ý. Cụ thể:

Theo kết luận giám định ông N chết do chấn thương sọ não không hồi phục bởi vật tày gây nên, tụ máu vùng chẩm trái (BL 41). Vỡ xương chẩm trái và xương nền sọ. Tụ máu dưới màng cứng vùng trán, thái dương bên phải và vùng chẩm trái; xuất huyết dưới nhện lan toả bán cầu đại não và tiểu não hai bên, chảy máu đọng dập nhu mô não vùng trán, thái dương phải, đọng dập nhu mô tiểu não... Việc tự ngã (loạng choạng) mà không có bất cứ lực gì tác động mạnh không thể gây ra cơ chế chấn thương sọ não như trên được. Theo bản ảnh (BL 33) thì vết tụ máu có thể nhìn bằng mắt thường trên đầu ông N thì nếu do mặt Đ gây nên thì phải ngã rất mạnh hoặc có tác động từ ngoại lực rất mạnh lên đầu khiến xương chẩm trái và xương nền sọ vỡ...

Như vậy xét về các yếu tố cấu thành tội phạm, hành vi của những người tấn công của bị cáo đối với chồng tôi đã đủ để cấu thành tội Giết người được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS 2015.

## **2. Vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và vi phạm tố tụng.**

*Thứ nhất*, hai ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Minh Đ đều tham gia đánh ông N dẫn tới tử vong. Điều này được thể hiện chi tiết và rõ ràng qua Camera thu thập được hình ảnh thể hiện ông Hoàng Văn T thực hiện hành vi đã dùng tay tát vào mặt và dùng khuỷu tay đánh vào gáy của ông N. Ông Hoàng Minh Đ thấy ông N đã gục tại bàn, tiếp tục xông đến bóp cổ và lôi ông N ra đường đánh. Tuy nhiên tại Biên bản kiểm tra đườngien thoại khai thác dữ liệu đoạn video được trích xuất tại camera nhà ông Thọ xảy ra đườngien ngày 19/4/2023 Cơ quan điều tra đườngien bỏ qua hành vi ông Hoàng Minh Đ dùng tay phải bóp cổ ông N lôi ra ngoài tại 20 giờ 31 phút 29 giây mà không đưa vào biên bản (BL: 44). Như vậy, ông Thọ và ông Đ là đồng phạm với nhau trong việc tước đi mạng sống của một người đã già không có khả năng tự vệ thì không thể nào chỉ khởi tố một mình Hoàng Văn T. Cơ quan điều tra có dấu hiệu bỏ lọt hành vi của ông Đ trong quá trình điều tra.

*Thứ hai*, mọi diễn biến vụ án, cách thức thực hiện hành vi sau khi ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Minh Đ lôi ông Hà Văn N ra khỏi tầm quan sát của

Camera nhà ông Thọ, cơ quan điều tra chỉ dựa vào những lời khai không khách quan của ông Nguyễn Văn L (BL: 73-78), ông Hà Văn 1 (BL: 90-97), bà Hà Thị Huyền (BL: 103-112). Những người này bao gồm là người nhà của ông Thọ, ông Đ. Họ là những người dừng dưng chứng kiến sự việc mà không có sự can ngăn nào cho hành vi tấn công gây ra cái chết cho ông N. Như vậy Cơ quan điều tra đườngã không khách quan trong giải quyết vụ án, không thực nghiệm điều tra bằng cách cho dựng lại hiện trường theo quy định tại Khoản 1 Điều 153 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

*Thứ ba*, tại phiên tòa sơ thẩm: Gia đình tôi đưa ra 01 chứng cứ là đoạn video có nội dung ông Hoàng Minh Đ đứng trước bàn thờ chồng tôi nói rằng: **“Em đã nhờ nhàn làm bác mất bác đã về với tổ tiên rồi thì phù hộ cho cả nhà ai cũng được mạnh khỏe”**; và đứng trước giường mẹ chồng tôi và nói: **“Con đã lỡ tay lỡ chân làm chết anh rồi”**; ở đây ông Đ xưng hô với ngôi thứ nhất: Em; Con.

Tuy nhiên trong bản án sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện T lại căn cứ vào lời khai của ông Đ là: *“do bị cáo là em trai (ông Đ) nên ông (Đ) đi cùng bị cáo đến gia đình bị hại để xin lỗi và nói chuyện hộ”* và bác bỏ chứng cứ là đoạn video nói trên là không phù hợp. Bởi lẽ: nếu đến để thay mặt gia đình thì sẽ xưng hô là: **chúng tôi; chúng con** – tức là 1 đại từ nhân xưng bao trùm chứ không thể xưng hô là: **em; con** – chỉ đích danh cá nhân người nói như vậy.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện gia đình bị hại yêu cầu trình chiếu chứng cứ là đoạn video nói trên thông qua thiết bị thu phát nhưng không được chấp nhận.

*Thứ tư*, lời khai không thống nhất và mâu thuẫn giữa các nhân chứng: Ông Thọ khai mình chỉ dùng tay trái với qua bàn uống nước tát, và 02 cái vào cơ thể ông N, cụ thể một cái tát vào vùng mặt bên phải, 01 cái vào vùng bả vai cổ bên phải của ông N (BL 114). Nhưng ông L khai tại bàn uống nước ông Thọ chỉ tát một cái vào má bên phải của ông N. Đặc biệt, để củng cố lời khai của mình ông Thọ đã nhiều lần thay đổi lời khai về việc xác định mối quan hệ với ông L và ông 1: Ông Thọ cho biết L và 1 là anh em trong họ với mình (BL 114) sau đó lại khai rằng ông L và ông 1 là hàng xóm cùng dân sự, không có mối quan hệ gì với nhau (BL 129). Vợ của ông Thọ là bà Hà Thị Huyền cũng khai rằng ông L với ông 1 chỉ là hàng xóm, không có mối quan hệ họ hàng (BL 112). Lời khai của các nhân chứng đều là những người có mối quan hệ thân thích với ông Thọ.

*Thứ năm*, quá trình điều tra vụ án không được tiến hành thực nghiệm hiện trường. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát có quan điểm là không cần thực nghiệm hiện trường, do bị hại đã chết đồng thời những người có liên quan trong vụ án thời điểm diễn ra sự việc là **say rượu** nên việc thực nghiệm sẽ không chính xác và không cần thiết. Tuy nhiên, tại kết luận giám định pháp y thể hiện: không có còn Ethanol trong mẫu máu của bị hại Hà Văn N. Do đó không thể căn cứ vào việc bị hại và những người liên quan do say rượu mà không thực

nghiệm hiện trường. Việc không thực nghiệm hiện trường trong vụ án này là sai sót trong thủ tục tố tụng để làm sáng tỏ vụ án.

Thứ sáu, về việc áp dụng các T tiết giảm nhẹ: Bản án sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xác định bị cáo được hưởng 02 T tiết giảm nhẹ theo điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 là không chính xác. Tổng số tiền bồi thường theo bản án nói trên là: 195.331.000đ. Bị cáo bồi thường 60.000.000đ như vậy chưa quá 2 tổng tiền phải bồi thường. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 51 là không hợp lý.

Như vậy, xét về các yếu tố cấu thành tội phạm, hành vi của bị cáo Hoàng Minh Đ thỏa mãn cả bốn yếu tố cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, sau khi điều tra, cơ quan điều tra lại chỉ dựa vào những lời khai không khách quan để mô tả diễn biến vụ án; không cho thực nghiệm hiện trường và tại phiên tòa sơ thẩm cũng không dựa vào những chứng cứ vật chất, khách quan cũng như không có các biện pháp tố tụng để truy tố đúng tội danh đối với bị cáo Hoàng Văn T và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm là đối tượng Hoàng Minh Đ - là thiếu sót và không khách quan.

### **3. Về bồi thường dân sự trong vụ án.**

Bản án sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P tuyên những khoản tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận, bao gồm: chi phí lương thực thực phẩm, chi phí khác cho việc mai táng và tiền thuê xe đưa đón người nhà....; Tổng số tiền không được chấp nhận là 95.000.900đ là không hợp lý. Bởi lẽ, vì bị cáo có hành vi gây nên cái chết cho ông Hà Văn N nên gia đình ông N mới phát sinh các chi phí đó. Các chi phí này là chi phí thực tế do hành vi có lỗi của bị cáo Thọ gây nên. Do đó việc Tòa án sơ thẩm bác một phần yêu cầu bồi thường của gia đình chúng tôi là không công bằng.

Bằng những lập luận ở trên, kính đề nghị cấp Phúc thẩm xem xét lại toàn bộ phần nội dung và phần tố tụng của vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Ngày 12/12/2023, bị cáo Hà Văn Thọ có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo; không nhất trí bồi thường tổn thất về tinh thần là 70.000đồng/1 tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo vẫn giữ N yêu cầu kháng cáo về hình phạt và xin được hưởng án treo;

Thay đổi nội dung kháng cáo về bồi thường, bị cáo không nhất trí bồi thường khoản tiền cấp dưỡng một lần cho bà N1 (mẹ bị hại), bị cáo xin được cấp dưỡng hàng tháng.

Bị cáo nhất trí bồi thường thêm cho gia đình bị hại

+ Tiền chụp CT lần 1 tại Tân Phú: 600.000đ; mua thuốc ở Tân Phú: 705.000đ; máy thở ôxy: 1.500.000đ; nước chuyển cõn: 240.000đ mặc dù không có hóa đơn chứng từ chứng minh nhưng đây là chi phí thực tế người nhà có thể bỏ ra đường đi điều trị. Tổng các khoản này là: 3.005.000đ.

+ Chi phí cho việc cúng tế, lễ bái, ăn uống: thịt lợn 470.000đ + 3.540.000đ + 5.610.000đ + 650.000đ; thịt gà làm cỗ: 3.840.000đ, thực phẩm hàng hóa: 3.840.000đ + 2.330.000đ + 1.000.000 đồng; Rượu 820.000 đồng; Bí làm nước canh 270.000 đồng; Bình ga 330.000 đồng= 22.900.000đ.

***Đại diện bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện bị hại giữ N nội dung kháng cáo***

Xác định tội danh đối với bị cáo Thọ là tội giết người.

Cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với ông Hoàng Minh Đ.

Bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại 60.000.000đồng chưa được  $\frac{1}{2}$  số tiền phải bồi thường, cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng T tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng.

Nếu như cấp phúc thẩm giữ N về tội danh như cấp sơ thẩm, đại diện bị hại đề nghị xử tăng hình phạt đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bản án sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P tuyên những khoản tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận, bao gồm: Chi phí lương thực thực phẩm, chi phí khác cho việc mai táng và tiền thuê xe đưa đón người nhà...; Tổng số tiền không được chấp nhận là 95.000.900đ là không hợp lí. Các chi phí này là chi phí thực tế do hành vi có lỗi của bị cáo Thọ gây nên. Do đó việc Tòa án sơ thẩm bác một phần yêu cầu bồi thường của gia đình bà là không công bằng.

Đề nghị Hủy bản án của cấp sơ thẩm để điều tra xét xử lại theo điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS. Xét xử bị cáo về tội giết người.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P** trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 BLTTHS, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo (phần cấp dưỡng theo tháng cho bà N1), bác một phần kháng cáo (xin được hưởng án treo và giảm mức bồi thường); chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại là bà T về việc tăng mức bồi thường thiệt hại cho người bị hại; bác một phần kháng cáo của đại diện người bị hại về việc xử lý đối với bị cáo về tội “Giết người”. Việc bồi thường được chấp nhận các khoản như sau:

- Chi phí khám, chữa bệnh, thuê phương tiện đi, về số tiền 10.326.000 đồng + 3.005.000đ = 13.331.000đồng.

- Chi phí cho việc mai táng tổng cộng là 22.900.000đ + 20.005.000 đồng = 42.905.000đồng.

- Chi phí để bù đắp tổn thất về T thần là 100.000.000 đồng.

Tổng cộng: 156.236.000đồng

Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 60.000.000đồng. Bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại 96.236.000đồng.

Buộc bị cáo cấp dưỡng nuôi cụ N1 650.000.000đồng trên 01 tháng kể từ tháng 5 năm 2023 đến khi cụ N1 chết.

Các nội dung khác của bản án cũng được giữ N.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo và người đại diện cho bị hại đều được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Tại phiên tòa ngày 14/3/2024, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P có quan điểm bổ sung giữ N Bản án của cấp sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Các vấn đề khác giữ N theo quan điểm của Viện kiểm sát ngày 08/3/2024.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị cáo và đại diện người bị hại làm trong hạn luật định được xem xét, giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của đại diện bị hại về việc cấp sơ thẩm kết tội bị cáo Hoàng Văn T về tội “Vô ý làm chết người” theo khoản 1 Điều 128 của BLHS năm 2015 mà cho rằng bị cáo phạm tội “Giết người”; đồng thời còn cho rằng hồ sơ vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Hoàng Minh Đ.

Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn T khai tội ngày 19/4/2023, sau khi ăn cơm, uống rượu tại nhà ở của Thọ có ông Hoàng Văn Đ và ông Hà Văn N đến nhà ông Thọ và cùng ngồi uống nước, do ông N nói chúng mày cho vợ đi tây làm ca ve, do bức tức thọ dung đánh 02 cái vào vùng cổ, vai gáy của ông N. Thọ và ông Đ kéo đưa ông N ra khỏi cổng nhà Thọ, ông Đ đứng ngoài đường, Thọ đi vào đóng cánh cửa cổng lại không cho ông N đi vào. Ông N không đi về mà quay lại để vào nhà Thọ Thọ mở cánh cửa cổng đi ra đường để ngăn không cho ông N vào. Thọ đã dùng tay trái nắm vào cổ tay phải của ông N kéo ông N hướng đi ra đường đi được hai ba bước chân thì Thọ buông tay ông N ra, ông N loạng choạng 2 đến 3 bước rồi ngã ngửa trên nền Đường nhựa. Thấy ông N ngã, Thọ bảo ông L và ông 1 đỡ dậy và đưa ông N về nhà.

Phía ông Hoàng Minh Đ trình bày khi ngồi uống nước ở nhà Thọ, ông N có lời nói xúc phạm đến ông Đ và ông Thọ nên ông Thọ dùng tay đánh 02 cái vào vùng cổ, vai gáy của ông N, ông Đ đứng dậy và cùng Thọ lôi ông N ra ngoài cổng nhà Thọ, ông vẫn đứng ở ngoài cổng, ông Thọ đi vào đóng cổng, ông N không về mà tiếp tục vào nhà ông Thọ, thấy ông Thọ ra chỗ ông N, do trời tối nên ông Đ không biết ông Thọ làm gì ông N, sau này mới biết ông N bị ngã xuống Đ. Khi đó ông L và ông 1 đưa ông N về.

Phía ông 1 trình bày sự việc xảy ra khi ngồi uống nước ở gia đình ông Thọ, ông N có lời nói xúc phạm gia đình ông Thọ và ông Đ, ông Thọ có đánh ông N 02 cái vào phần sau gáy ông Thọ, sau đó ông Đ và ông Thọ lôi ông N ra đường, khi đó ông Lài đang ngồi ở ghế xem điện thoại, ông 1 có đi ra đường đứng ở góc trụ cổng nhà ông Thọ, do trời tối và khuất trụ cổng nên không nhìn thấy gì. Khi thấy ông Thọ bảo ông N bị ngã nên có bảo ông 1 và ông Lài, ông 1 và ông Lài ra thấy ông N ngã ngửa ra đường và bất tỉnh, ông 1 và ông Lài đưa ông N về nhà ông N. Sau đó ông 1 và ông Lài đi về. Ông 1 xác nhận ngoài ông Thọ, ông Đ, ông 1 và ông Lài ra không còn ai khác.

Thông qua đoạn camera của gia đình bị cáo Thọ ghi lại, thì giữa ông N, Bị cáo và ông Đ có những lời nói to tiếng với nhau, Bị cáo đã vớ tay qua bàn uống nước đánh 02 cái vào vùng cổ và vai gáy của ông N. Cũng theo nội dung đoạn camera ghi lại, thì sau khi bị Hoàng Văn T đánh ông N vẫn tỉnh táo và ngồi tại bàn uống nước. Sau đó, Thọ và ông Đ đi đến chỗ ông N ngồi, mỗi người một bên nhấc ông N ra khỏi ghế ngồi, rồi kéo và đưa ông N ra khỏi cổng nhà Thọ phía Đường nhựa. Khi ông N đã ra khỏi cổng, ông Đ còn đứng ngoài đường, Thọ đi vào khép cánh cửa cổng và vẫn đứng ở cổng, ông L đứng gần Bị cáo, ông 1 ngồi tại bàn uống nước. Ngay sau đó, Bị cáo mở cánh cổng chạy ra đường, rồi đi vào luôn và nói là ông N bị ngã. Hiện trường chỗ ông N ngã và diễn biến bên ngoài cổng, do bị khuất nên không được camera ghi lại.

Căn cứ vào Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 758/KLGĐTT-PC09 ngày 05/5/2023 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P xác định các dấu vết tổn thương trên cơ thể của ông N:

Tại vùng cằm bên trái có vết xước da, tụ máu đã đóng vảy màu nâu một phần, kích thước 6x3, chiều hướng từ trước ra sau; hốc mắt hai bên bầm tím; hai lỗ mũi có dịch màu nâu đen bám dính, tụ máu niêm mạc môi dưới bên phải kích thước 1x0,5cm; vùng vai trái có vết tụ máu kích thước 1,5x1cm; tại mặt sau trong 1/3 trên cẳng tay bên phải có vết sây sát da đã đóng vảy màu nâu kích thước 4x0,5cm; tại mông bên trái có vết trợt da, nền màu trắng kích thước 2x2cm

Theo bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 578/KLGĐTT-PC09 ngày 05/5/2023 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh P kết luận: “*N nhân chết của Hà Văn N là chấn thương sọ não không hồi phục.*”

Ngày 25/8/2023, phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P đã có văn bản số 478/CV-PC09 về việc: Xác định cơ chế hình thành thương tích và giải thích kết luận đã trả lời như sau:

“- *Vật tày là những vật thể rắn và tùy loại chất liệu cấu thành có độ cứng khác nhau (sắt, thép, gạch, đá, gỗ, gậy, cao su ...), không có lưỡi sắc và mũi nhọn tại nơi tác động lên cơ thể. Vật tày rất đa dạng, phong phú về hình dạng, kích thước và tính chất, ví dụ: gậy, búa, gạch, nền Đ ... Do vậy, Bề mặt nền Đường nhựa là một vật tày dạng diện rộng.*

- *Tổn thương “Vết sây da, tụ máu vùng chằm trái” trên tử thi Hà Văn N có thể được tạo ra bởi bề mặt nền Đường nhựa.”*

Tại văn bản số: 543/CV-PC09 03/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P xác định:

*“- Cơ chế hình thành vết sây sát da, tụ máu vùng chằm bên trái là do tác động với vật tày. Da vùng mắt rất mỏng, chỉ cần một chấn thương nhỏ cũng khiến máu đọng vùng mắt, khi bị chấn thương sẽ kéo căng làm rách các mạch máu nhỏ (mao mạch) dưới da mắt, máu rỉ vào da và biến thành màu tím (hốc mắt hai bên bầm tím). Vì vậy, bầm tím quanh hốc mắt hai bên có thể tạo nên do tác động với vật tày hoặc trong trường hợp chấn thương sọ não, máu từ trong chảy ra ngấm vào vùng quanh hốc mắt hai bên (dấu hiệu kính râm trong chấn thương sọ não).*

*- Cơ chế hình thác các tổn thương (vết tụ máu niêm mạc môi dưới, vết tụ máu vai trái, vết sây sát da, tụ máu tại mặt sau cẳng tay phải và vết trượt da vùng mông phải) là do tác động với vật tày.”*

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, đại diện hợp pháp cho Bị hại cung cấp 01 đoạn video và bản đọc giải thích cuộc hội thoại thể hiện nội dung Bị cáo Thọ và Hoàng Minh Đ nói chuyện (bằng tiếng dân tộc Mường) tại nhà của bà Hoàng Thị N1 (mẹ đẻ của Bị hại) và cho rằng Bị cáo và ông Đ đến nhà Bị hại để thừa nhận “*đã lỡ tay đánh chết*” ông N. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Thọ và ông Đ giải thích việc về câu nói đã lỡ tay đánh chết ông N là do câu nói châm ngôn của các cụ để lại, còn thực tế không dùng tay đánh dẫn đến cái chết của ông N.

Đối với ông Hoàng Văn Đ cho rằng ông Đ không có hành vi gây thương tích hay tước đoạt tính mạng của Bị hại. Do Bị cáo là em trai của ông nên ông đi cùng Bị cáo đến gia đình của Bị hại để xin lỗi và nói chuyện hộ Bị cáo.

Như vậy, căn cứ vào hiện trường tại nơi ông N ngã, Kết luận khám nghiệm tử thi xác định các vết thương của ông N tại vùng chằm bên trái, vết thương vùng vai trái, vết thương tại mặt sau trong 1/3 trên cẳng tay bên phải và vết trượt da mông bên trái là do ông N bị ngã ngựa nên gây ra các vết thương này. Đối với hốc mắt hai bên bầm tím; hai lỗ mũi có dịch màu nâu đen bám dính là do tác động của chấn thương sọ não. Do vậy ngoài lời khai của bị cáo, lời khai của người làm chứng không có căn cứ để xác định bị cáo Thọ đánh ông N dẫn tử vong. Và không xác định ông Đ cùng bị cáo Thọ đánh ông N.

Do vậy cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Thọ về tội “*Vô ý làm chết người*” theo khoản 1 Điều 128 BLHS năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

**Đối với kháng cáo của đại diện** người bị hại về việc bị cáo bồi thường số tiền 60.000.000 đồng cho gia đình bị hại chưa được ½ mức bồi thường nên cấp sơ thẩm xác định là T tiết giảm nhẹ là tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng,

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, bản thân bị cáo và gia đình chỉ có nhà và đất ở, đây là chỗ ở của gia đình bị cáo, ngoài ra không có tài sản gì lớn. Do vậy việc bị cáo tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 60.000.000 đồng để khắc phục hậu quả là đã tích cực bồi thường, nên cấp sơ thẩm áp dụng T tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Từ những căn cứ trên, không chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại đề nghị Hủy bản án của cấp sơ thẩm để xử lý bị cáo Hoàng Văn T về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS. Không chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại xử lý Hoàng Minh Đ về tội “Giết người” và cần giữ N quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P về tội danh, T tiết giảm nhẹ đối với bị cáo.

Việc Đại diện gia đình bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị về việc cấp sơ thẩm không tiến hành thực nghiệm điều tra cũng như không giám định giọng nói trong đoạn ghi âm do gia đình người bị hại cung cấp là thiếu sót. Tuy nhiên, xét thấy vết thương để lại trên cơ thể nạn nhân tương đối phù hợp với việc mô tả diễn biến hành vi của bị cáo và người làm chứng ở thời điểm đó. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo và người làm chứng đã mô tả chi tiết, cụ thể diễn biến sự việc. Xét thấy việc thực nghiệm điều tra tuy có cần thiết nhưng không cần thiết phải hủy án chỉ để tiến hành thực nghiệm lại. Đối với thiếu sót này, tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát tỉnh có quan điểm sẽ ban hành Kiến nghị đối với Tòa án cấp sơ thẩm, và Cơ quan điều tra cấp huyện; rút kinh nghiệm đối với Viện kiểm sát cấp huyện. Do vậy cấp phúc thẩm không kiến nghị đối với cấp sơ thẩm trong vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện người bị hại đề nghị nếu cấp phúc thẩm giữ N về tội danh như cấp sơ thẩm đã tuyên thì đề nghị xử tăng hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy do đại diện người bị hại kháng cáo về thay đổi tội danh, T tiết giảm nhẹ và bồi thường. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo và kháng cáo về bồi thường. Do vậy đề nghị của đại diện bị hại vượt quá phạm vi kháng cáo nên không được chấp nhận.

**[3]** Xét kháng cáo của bị cáo về xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội vô ý làm chết người như cấp sơ thẩm đã tuyên.

Cấp sơ thẩm đã xem xét về tích chất của vụ án, nhân thân và các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã xử phạt bị cáo 12 tháng tù là phù hợp.

Tại phiên tòa bị cáo không xuất trình thêm T tiết giảm nhẹ mới, do vậy bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận. Cần giữ N hình phạt của cấp sơ thẩm đối với bị cáo.

+ Về kháng cáo của bị cáo và đại diện bị hại về bồi thường dân sự.

Xét thấy:

**Người đại diện hợp pháp** cho Bị hại yêu cầu Bị cáo bồi thường thiệt hại tính mạng tổng số tiền 290.340.000 đồng, gồm các thiệt hại như sau:

- Về chi phí khám, chữa bệnh, thuê phương tiện đi, về số tiền 10.440.000đ.
- Chi phí cho việc mai táng số tiền 49.645.000đ.
- Tiền cấp dưỡng một lần cho cụ N1 81.250.000đ.
- Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần bằng 100 lần mức lương cơ sở là 1.490.000đ = 149.000.000đ.

**Cấp sơ thẩm chấp nhận** và buộc bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 195.331.000 đồng gồm các chi phí sau:

- Về chi phí khám, chữa bệnh, thuê phương tiện đi, về số tiền 10.326.000đ,
- Về chi phí cho việc mai táng tổng cộng là, 20.005.000 đồng.
- Tiền cấp dưỡng một lần cho cụ N1: 100 tháng x 650.000 đồng = 65.000.000 đồng.
- Về chi phí để bù đắp tổn thất về T thần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Bị hại gồm: mẹ, vợ và con là có 06 người nên cần chấp nhận mức yêu cầu bồi thường khoản tiền để bù đắp tổn thất tinh thần là 100.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nhất trí bồi thường cho gia đình bị hại gồm:

+ Tiền chụp CT lần 1 tại Tân Phú: 600.000đ; mua thuốc ở Tân Phú: 705.000đ; máy thở oxy: 1.500.000đ; nước chuyển cồn: 240.000đ mặc dù không có hóa đơn chứng từ chứng minh nhưng đây là chi phí thực tế người nhà có thể bỏ ra đường đi điều trị. Tổng các khoản này là: 3.005.000đ.

+ Chi phí cho việc cúng tế, lễ bái, ăn uống: thịt lợn 470.000đ + 3.540.000đ + 5.610.000đ + 650.000đ; thịt gà làm cỗ: 3.840.000đ, thực phẩm hàng hóa: 3.840.000đ + 2.330.000đ + 1.000.000 đồng; Rượu 820.000 đồng; Bí làm nước canh 270.000 đồng; Bình ga 330.000 đồng = 22.900.000đ.

Tổng số bị cáo chấp nhận bồi thường thêm cho gia đình bị hại là: 25.905.000đ. Xét thấy việc chi phí trên là thực tế, bị cáo tự nguyện khoản tiền bồi thường này cho gia đình bị hại nên cần chấp nhận.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng cho bà N1 (mẹ của bị hại), cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải cấp dưỡng một lần số tiền 65.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin được cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi bà N1 chết. Xét thấy việc kháng cáo của bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

+ Đối với kháng cáo của đại diện người bị hại đề nghị bị cáo bồi thường thiệt hại tính mạng tổng số tiền 290.340.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện bồi thường thêm cho gia đình bị hại số tiền chụp CT lần 1 tại Tân Phú: 600.000đ; mua thuốc ở Tân Phú:

705.000đ; máy thở ôxy: 1.500.000đ; nước chuyên còn: 240.000đ. Tổng các khoản này là: 3.005.000đ; Chi phí cho việc cúng tế, lễ bái, ăn uống: thịt lợn 470.000đ + 3.540.000đ + 5.610.000đ + 650.000đ; thịt gà làm cỗ: 3.840.000đ, thực phẩm hàng hóa: 3.840.000đ + 2.330.000đ + 1.000.000 đồng; Rượu 820.000 đồng; Bí làm nước canh 270.000 đồng; Bình ga 330.000 đồng= 22.900.000đ. Do vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện bị hại

Do vậy cấp phúc thẩm chỉ xem xét về khoản tiền khoản tiền 1.000.000đ gia đình bị hại thuê xe cho con đi từ Nội Bài về; khoản tiền cấp dưỡng một lần cho cụ N1; khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần cho hàng thừa kế của bị hại..

Xét thấy việc gia đình bị hại thuê xe cho con đi từ Nội Bài về khi ông N chết, tiền cấp dưỡng nuôi cụ N một lần 81.250.000đồng và tiền bù đắp tổn thất về tinh thần bằng 100 lần mức lương cơ sở là 1.490.000đồng = 149.000.000đồng. Cấp sơ thẩm không chấp nhận khoản tiền thuê xe, chấp nhận 1 phần tiền cấp dưỡng nuôi cụ N1 và một phần tiền tổn thất về tinh thần là có căn cứ. Do vậy kháng cáo của đại diện người bị hại về vấn đề này là không được chấp nhận.

Như vậy buộc bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại:

- Chi phí khám, chữa bệnh, thuê phương tiện đi, về số tiền 10.326.000 đồng + 3.005.000đ = 13.331.000đồng.

- Chi phí cho việc mai táng tổng cộng là 22.900.000đ + 20.005.000 đồng = 42.905.000đồng.

- Chi phí để bù đắp tổn thất về T thần là 100.000.000 đồng.

Tổng cộng: 156.236.000đồng

Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 60.000.000đồng. Bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại 96.236.000đồng.

Buộc bị cáo cấp dưỡng nuôi cụ N1 650.000 đồng trên 01 tháng kể từ tháng 5 năm 2023 đến khi cụ N1 chết.

**[4]** Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P là phù hợp nên chấp nhận.

Xét Luật sư Bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo hưởng mức án treo không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích cho đại diện gia đình bị hại không được chấp nhận.

**[5]** Về án phí: Kháng cáo của bị cáo, người đại diện cho gia đình bị hại được chấp nhận một phần, mặt khác bị cáo và đại diện gia đình bị hại là người dân tộc thiểu số do vậy không phải chịu án phí phúc thẩm.

**[6]** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**[1]** Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T về xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Không chấp nhận kháng cáo của đại diện gia đình bị hại về đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử bị cáo Hoàng Văn T về tội giết người.

Không chấp nhận kháng cáo của đại diện gia đình bị hại đề xử lý Hoàng Văn Đ về tội giết người cùng với Hoàng Văn T.

Không chấp nhận kháng cáo của đại diện gia đình bị hại về cấp sơ thẩm áp dụng T tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Giữ N về tội danh, điều luật và hình phạt Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

+ Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo về cấp dưỡng hàng tháng cho bà N1.

Chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện gia đình bị hại về các chi phí: Tiền chụp CT lần 1 tại Tân Phú: 600.000đ; mua thuốc ở Tân Phú: 705.000đ; máy thở oxy: 1.500.000đ; nước chuyển cõn: 240.000đ mặc dù không có hóa đơn chứng từ chứng minh nhưng đây là chi phí thực tế người nhà có thể bỏ ra đường gẽ điều trị. Chi phí cho việc cúng tế, lễ bái, ăn uống: thịt lợn 470.000đ + 3.540.000đ + 5.610.000đ + 650.000đ; thịt gà làm cỗ: 3.840.000đ, thực phẩm hàng hóa: 3.840.000đ + 2.330.000đ + 1.000.000 đồng; Rượu 820.000 đồng; Bí làm nước canh 270.000 đồng; Bình ga 330.000 đồng. Tổng số được chấp nhận thêm là: 25.905.000đ.

Không chấp nhận kháng cáo của đại diện gia đình bị hại về số tiền 1.000.000đồng thuê xe đi từ Nội Bài về, tiền cấp dưỡng nuôi cù N một lần 81.250.000đồng và tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 149.000.000đồng.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P về bồi thường trách nhiệm dân sự.

**[2]** Căn cứ khoản 1 Điều 128; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố Bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “*Vô ý làm chết người*”.

- Xử phạt Bị cáo Hoàng Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

**[3]** Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS năm 2015; Điều 584, 586, 591 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải bồi thường chi phí thiệt hại cho gia đình bị hại các khoản sau:

- Chi phí khám, chữa bệnh, thuê phương tiện đi, về số tiền 10.326.000 đồng + 3.005.000đ = 13.331.000đồng.

- Chi phí cho việc mai táng tổng cộng là 42.905.000đồng.

- Chi phí để bù đắp tổn thất về T thần là 100.000.000 đồng.

Tổng cộng: 156.236.000đồng

Xác nhận, ngày 25/4/2023 Bị cáo đã bồi thường cho bà Hà Thị T số tiền 60.000.000 đồng. Bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại 96.236.000đồng.

Buộc bị cáo cấp dưỡng nuôi cụ N1 650.000 đồng trên 01 tháng Phương thức cấp dưỡng là hàng tháng kể từ tháng 5 năm 2023 đến khi cụ N1 chết.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị T về tiền 1.000.000đồng thuê xe đón người nhà; một phần tiền cấp dưỡng và cấp dưỡng một lần cho cụ Hoàng Thị N1, một phần khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần tổng cộng là 66.250.000đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**[4]** Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm d, đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong vụ án hình sự cho Bị cáo Hoàng Văn T.

Miễn toàn bộ tiền án hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại tính mạng không được chấp nhận của bà Hà Thị T.

*“Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**[5]** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện T;
- TAND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TB UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Đại diện bị hại;
- Người có QLLQ;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người BVQL cho đại diện bị hại;
- Lưu HS; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Toàn**

